

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thí điểm cơ chế “luồng xanh” trong quy trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2026;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 552/NQ-UBND ngày 25/7/2026 của UBND tỉnh về việc thông qua nội dung do Sở Tài chính tham mưu, đề xuất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 266/TTr -STC ngày 06/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thí điểm cơ chế “luồng xanh” trong quy trình thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Quy trình phối hợp xử lý hồ sơ theo cơ chế “luồng xanh” thực hiện theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Cơ chế “luồng xanh” áp dụng thí điểm đối với công tác chuẩn bị đầu tư

các dự án đầu tư chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển quy định tại Điều 33 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Công tác chuẩn bị đầu tư dự án bao gồm:

- a) Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;
- b) Thẩm định, quyết định đầu tư dự án;

3. Các thủ tục khác được các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất tích hợp vào quy trình liên thông toàn chuỗi ở giai đoạn tiếp theo sau thí điểm.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Cơ chế “luồng xanh” là phương thức tổ chức xử lý ưu tiên rút ngắn thời gian, phối hợp liên thông, kiểm soát tiến độ và trách nhiệm giải quyết hồ sơ.

2. Việc rút ngắn thời gian không làm thay đổi trình tự, nội dung, điều kiện, tiêu chuẩn thẩm định theo quy định của pháp luật.

3. Việc phối hợp phải rõ trình tự, thủ tục, rõ sản phẩm và rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

4. Việc rút ngắn thời gian chỉ thực hiện đối với các khâu xử lý thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong quá trình phối hợp lấy ý kiến thẩm định, tổng hợp, trình, phê duyệt dự án. Trong quá trình xử lý hồ sơ, các cơ quan liên quan phải chủ động phối hợp xử lý các nội dung chưa phù hợp, sớm hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm tính pháp lý của hồ sơ trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhằm sớm triển khai thực hiện các dự án.

5. Khung thời gian theo cơ chế “luồng xanh” được xác định kể từ ngày cơ quan đầu mối thẩm định dự án tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Đối với các dự án phải lấy ý kiến của cơ quan trung ương, thực hiện theo thời gian quy định và không tính vào khung thời gian trong cơ chế “luồng xanh”.

6. Cơ chế “luồng xanh” không áp dụng đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án, Hội đồng thẩm định thiết kế để tổ chức thẩm định dự án.

7. Việc thực hiện cơ chế 'luồng xanh' không chỉ nhằm rút ngắn thời gian xử lý mà còn bảo đảm xử lý trên môi trường số, sử dụng dữ liệu dùng chung, hạn chế yêu cầu cung cấp lại hồ sơ đã có trong cơ sở dữ liệu và tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan xử lý

Điều 4. Mục tiêu kiểm soát thời gian

1. Phần đầu rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục tối thiểu 30% thời gian quy

định của các đơn vị liên quan trong các khâu thẩm định, phối hợp, lấy ý kiến, tổng hợp, trình ký, ban hành quyết định thuộc phạm vi thẩm quyền của các cơ quan liên quan.

2. Sau 06 tháng thực hiện thí điểm, tổ chức đánh giá bước đầu; sau 01 năm tổ chức sơ kết, đề xuất tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc mở rộng phạm vi áp dụng theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

a) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ theo quy định; tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế, ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và xây dựng báo cáo thẩm định dự án;

b) Phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư đảm bảo cơ sở pháp lý, thành phần, nội dung theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Là cơ quan đầu mối hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ dự án đầu tư chuyển đổi số đảm bảo cơ sở pháp lý, thành phần, nội dung theo quy định; theo dõi, đôn đốc tiến độ dự án.

b) Hướng dẫn, tổng hợp và đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Chuyển đổi số và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Tổ chức thẩm định thiết kế và các nội dung khác theo quy định;

3. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì theo dõi, đôn đốc các đơn vị tích cực phối hợp tham mưu, xử lý hồ sơ dự án bảo đảm trình tự và thời gian.

4. Các Sở, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định đúng thời hạn, đúng chức năng, nêu rõ quan điểm, căn cứ pháp lý và nội dung thuộc thẩm quyền; trường hợp quá thời hạn mà không có ý kiến thì chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh đối với nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 6. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Tài chính tổng hợp tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ “luồng

xanh”, tiến độ thực hiện từng dự án; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị liên quan và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có), báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Bộ Khoa học & Công nghệ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Chỉ đạo 152;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- TT phục vụ hành chính công tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VPUBND tỉnh;
- TT CN và Cổng TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, ĐTKT (td 03b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo